

Nghị quyết về kinh tế tư nhân sẽ đánh dấu bước đột phá thứ 2 của Việt Nam

Phạm Vũ Thăng Long
Giám Đốc Cấp Cao, Kinh Tế Vĩ Mô
long.pvthang@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4805

- Nghị quyết số 68 của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 198 của Quốc hội sẽ cùng nhau thiết lập một lộ trình toàn diện để thúc đẩy khu vực kinh tế tư nhân trở thành động lực tăng trưởng quan trọng nhất cho nền kinh tế Việt Nam.
- Đến năm 2030, Việt Nam đặt mục tiêu tăng gấp đôi số lượng doanh nghiệp tư nhân lên 2 triệu doanh nghiệp và nâng tỷ trọng đóng góp cho GDP lên 55–58%. Trong năm nay, Chính phủ đặt mục tiêu cắt giảm tối thiểu 30% thủ tục hành chính, chi phí tuân thủ & điều kiện kinh doanh.
- Các chính sách ưu đãi, bao gồm miễn thuế, giảm tiền thuê đất, trợ cấp tín dụng xanh, giảm trừ chi phí nghiên cứu & phát triển, sẽ hỗ trợ các DNNVV, các công ty khởi nghiệp và các công ty công nghệ cao, bên cạnh một chiến dịch quốc gia để phát triển 1.000 doanh nghiệp tư nhân hàng đầu.

Nghị quyết về khu vực kinh tế tư nhân cho thấy sự khẳng định của các lãnh đạo về khu vực kinh tế tư nhân là động lực quan trọng nhất của nền kinh tế quốc gia

Trong báo cáo này, HSC tóm tắt những thông tin quan trọng nhất trong 2 Nghị quyết của Bộ Chính trị & Quốc hội về khu vực kinh tế tư nhân.

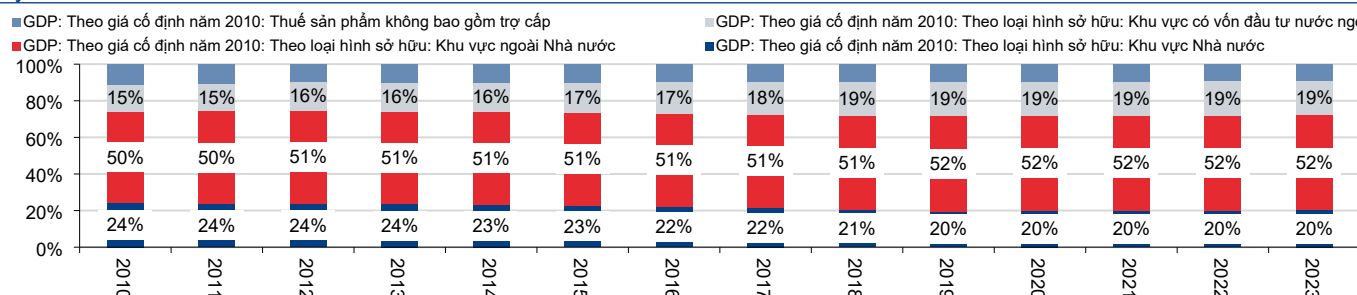
Ngày 4/5/2025, Bộ Chính trị đã ban hành [Nghị quyết số 68](#) xác định khu vực tư nhân là động lực tăng trưởng quan trọng nhất cho nền kinh tế Việt Nam. Với hơn 940.000 doanh nghiệp và hơn 5 triệu hộ kinh doanh, khu vực tư nhân hiện đóng góp khoảng 50% GDP (Biểu đồ 1), trên 30% tổng nguồn thu ngân sách nhà nước và sử dụng 82% lực lượng lao động cả nước. Đến năm 2030, Việt Nam đặt mục tiêu tăng gấp đôi số lượng doanh nghiệp tư nhân lên 2 triệu (hoặc 20 doanh nghiệp trên 1.000 người), đảm bảo tối thiểu 20 doanh nghiệp tư nhân lớn được hội nhập vào chuỗi giá trị toàn cầu và nâng tỷ trọng đóng góp của khu vực kinh tế tư nhân lên 55-58% GDP và 35-40% nguồn thu ngân sách, giải quyết việc làm cho khoảng 84 - 85% tổng số lao động; năng suất lao động tăng bình quân khoảng 8,5 - 9,5%/năm. Các biện pháp chính để thúc đẩy sự phát triển của khu vực này bao gồm cắt giảm tối thiểu 30% thời gian xử lý hành chính, chi phí tuân thủ pháp luật & điều kiện kinh doanh trong năm 2025, bãi bỏ lệ phí môn bài; miễn thuế thu nhập doanh nghiệp cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trong 3 năm đầu thành lập và tăng cường khuôn khổ pháp lý cho các mô hình kinh doanh số và công nghệ.

Vào ngày 17/5/2025, Quốc hội đã thể chế hóa các định hướng chính sách này thông qua [Nghị quyết số 198](#), trong đó nêu rõ các cơ chế & ưu đãi đặc biệt để hỗ trợ tăng trưởng khu vực tư nhân. Để cải thiện môi trường kinh doanh, mỗi doanh nghiệp hoặc hộ kinh doanh sẽ chỉ phải chịu không quá một lần thanh tra hàng năm, trừ khi có bằng chứng vi phạm, với sự chuyên dịch sang kiểm tra từ xa dựa trên dữ liệu. Các DNNVV, công ty công nghệ cao và các công ty khởi nghiệp sẽ được giảm tối thiểu 30% phí thuê đất trong 5 năm. Khoản trợ cấp lãi suất hàng năm 2% sẽ được áp dụng cho các dự án xanh, tuần hoàn và áp dụng khung tiêu chuẩn môi trường, xã hội, quản trị cho các khoản vay. Thu nhập từ các công ty khởi nghiệp sáng tạo sẽ được hưởng ưu đãi miễn thuế TNDN trong 2 năm và giảm 50% trong 4 năm tiếp theo, cùng các ưu đãi thuế TNCN tương đương đối với đội ngũ chuyên gia & nhà khoa học. Các hộ gia đình và cá nhân kinh doanh sẽ không phải áp dụng chế độ khoán thuế và ngừng nộp lệ phí môn bài kể từ ngày 1/1/2026. Các doanh nghiệp được trừ 200% chi phí R&D thực tế khỏi chi phí được trừ để xác định thu nhập chịu thuế và được trích tối đa 20% thu nhập để lập quỹ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Bố trí ngân sách nhà nước để triển khai Chương trình đào tạo, bồi dưỡng 10.000 giám đốc điều hành đến năm 2030 cùng một chương trình quốc gia sẽ phát triển 1.000 doanh nghiệp tiêu biểu, tiên phong trong các lĩnh vực công nghệ cao, chuyển đổi xanh và đổi mới sáng tạo.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 19/5.

Biểu đồ 1: Đóng góp vào GDP theo loại hình sở hữu

Việt Nam đặt mục tiêu tăng gấp đôi số lượng doanh nghiệp tư nhân lên 2 triệu doanh nghiệp và nâng tỷ trọng đóng góp của khu vực này vào GDP lên mức 55-58%



Nguồn: NSO, CEIC & HSC

Nghị quyết của Bộ Chính trị và Quốc hội về phát triển kinh tế tư nhân

Ngày 4/5/2025, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 68 về phát triển kinh tế tư nhân, xác định đây là động lực quan trọng nhất của nền kinh tế quốc gia. Ngay sau đó, vào ngày 17/5/2025, Quốc hội đã nhanh chóng thể chế hóa các chỉ thị, chính sách quan trọng nêu trong Nghị quyết này thông qua Nghị quyết số 198, trong đó nêu rõ một số cơ chế, chính sách đặc thù hỗ trợ phát triển kinh tế tư nhân. Chúng tôi sẽ tóm tắt những thông tin quan trọng nhất của 2 Nghị quyết nói trên trong báo cáo này.

Nghị quyết số 68 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân

Bối cảnh

Khu vực kinh tế tư nhân của Việt Nam hiện bao gồm hơn 940.000 doanh nghiệp và hơn 5 triệu hộ kinh doanh, đóng góp khoảng 50% GDP (Biểu đồ 1), hơn 30% tổng nguồn thu ngân sách nhà nước và sử dụng khoảng 82% lực lượng lao động cả nước. Quy mô của hầu hết các doanh nghiệp là siêu nhỏ, nhỏ hoặc vừa.

Quan điểm chỉ đạo

Trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, khu vực kinh tế tư nhân được coi là động lực quan trọng nhất cho nền kinh tế quốc gia.

Mục tiêu

Mục tiêu đến năm 2030: Phần đầu có 2 triệu doanh nghiệp hoạt động trong nền kinh tế, 20 doanh nghiệp hoạt động/ngày. Có ít nhất 20 doanh nghiệp lớn tham gia chuỗi giá trị toàn cầu. Tốc độ tăng trưởng bình quân của kinh tế tư nhân đạt khoảng 10-12%/năm, cao hơn tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế; đóng góp khoảng 55-58% GDP, khoảng 35-40% tổng thu ngân sách nhà nước, giải quyết việc làm cho khoảng 84-85% tổng số lao động; năng suất lao động tăng bình quân khoảng 8,5-9,5%/năm.

Mục tiêu đến năm 2045: Phần đầu có ít nhất 3 triệu doanh nghiệp hoạt động trong nền kinh tế; đóng góp khoảng trên 60% GDP.

Nhiệm vụ & giải pháp

- Không can thiệp hành chính vào hoạt động sản xuất, kinh doanh trái với nguyên tắc thị trường. Sử dụng các công cụ thị trường để điều tiết nền kinh tế.
- Trong năm 2025, cắt giảm ít nhất 30% thời gian xử lý thủ tục hành chính, ít nhất 30% chi phí tuân thủ pháp luật, ít nhất 30% điều kiện kinh doanh và tiếp tục cắt giảm mạnh trong những năm tiếp theo.
- Phần đầu đến năm 2028, môi trường đầu tư kinh doanh của Việt Nam thuộc nhóm 3 quốc gia hàng đầu ASEAN và nhóm 30 quốc gia hàng đầu thế giới.
- Thực hiện chuyển mạnh từ tiền kiểm sang hậu kiểm gắn với tăng cường kiểm tra, giám sát.
- Chuyển việc quản lý điều kiện kinh doanh từ cấp phép, chứng nhận sang thực hiện công bố điều kiện kinh doanh và hậu kiểm, trừ một số ít lĩnh vực bắt buộc phải thực hiện thủ tục cấp phép theo quy định và thông lệ quốc tế.
- Sửa đổi Luật Phá sản, rút ngắn thời gian xử lý các thủ tục pháp lý.
- Thực hiện cơ chế thị trường, không phân biệt đối xử giữa các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế trong huy động, phân bổ và sử dụng các nguồn lực (vốn, đất đai, tài nguyên, tài sản, công nghệ, nhân lực, dữ liệu, ...).
- Hoàn thiện khung pháp lý cho các mô hình kinh tế mới, kinh doanh dựa trên công nghệ và nền tảng số, đặc biệt là công nghệ tài chính, trí tuệ nhân tạo, tài sản ảo, tiền ảo, tài sản mã hoá, tiền mã hoá, thương mại điện tử...
- Bãi bỏ lệ phí môn bài; miễn thuế thu nhập doanh nghiệp cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trong 3 năm đầu thành lập.

- Bảo đảm và bảo vệ hữu hiệu quyền sở hữu, quyền tự do kinh doanh, quyền tài sản, quyền cạnh tranh bình đẳng và bảo đảm thực thi hợp đồng.
- Thanh tra, kiểm tra chỉ thực hiện mỗi năm 1 lần đối với doanh nghiệp, trừ trường hợp có bằng chứng rõ ràng về việc doanh nghiệp vi phạm.
- Phân định rõ trách nhiệm hình sự với hành chính, dân sự; giữa pháp nhân và cá nhân trong xử lý vi phạm.
- Chậm nhất trong năm 2025, hoàn thành xây dựng Cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai kết nối với Trung tâm dữ liệu quốc gia và các cơ sở dữ liệu có liên quan. Thúc đẩy giao dịch điện tử trong lĩnh vực đất đai; công khai, minh bạch và chủ động cung cấp thông tin tới doanh nghiệp; giảm thiểu thời gian giải quyết thủ tục thuê đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; hỗ trợ tích cực trong giải phóng mặt bằng.
- Cho phép các địa phương sử dụng ngân sách địa phương để hỗ trợ chủ đầu tư kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp, vườn ươm công nghệ, trên cơ sở yêu cầu, các chủ đầu tư dành một phần quỹ đất đã đầu tư cho các doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo thuê. Giảm tối thiểu 30% tiền thuê lại đất cho các đối tượng này trong vòng 5 năm đầu.
- Thúc đẩy tín dụng xanh, hỗ trợ lãi suất và khuyến khích giảm lãi suất cho các khoản vay cho các dự án kinh tế xanh và tuần hoàn đáp ứng các tiêu chuẩn ESG. Nâng cấp và tái cấu trúc thị trường chứng khoán, phát triển thị trường bảo hiểm và cải thiện các quy định về trái phiếu doanh nghiệp để cung cấp vốn ổn định, chi phí thấp. Xây dựng khuôn khổ pháp lý cho việc chứng khoán hóa tài sản nợ.
- Nguồn nhân lực và đổi mới: Triển khai chương trình đào tạo, bồi dưỡng 10.000 giám đốc điều hành. Triển khai quyết liệt Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia trong khu vực kinh tế tư nhân. Cho phép các doanh nghiệp được tính vào chi phí khi xác định thu nhập chịu thuế của doanh nghiệp đối với hoạt động nghiên cứu và phát triển bằng 200% chi phí thực tế của hoạt động này. Cho phép doanh nghiệp trích tối đa 20% thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp để lập quỹ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và nghiên cứu phát triển
- Phát triển doanh nghiệp: Hình thành và phát triển nhanh các doanh nghiệp lớn và vừa, các tập đoàn kinh tế tư nhân tầm cỡ khu vực và toàn cầu. Mở rộng sự tham gia của doanh nghiệp tư nhân vào các dự án quan trọng quốc gia.
- Nhà nước sẽ đưa ra các chính sách ưu đãi và chỉ đạo để khuyến khích khu vực kinh tế tư nhân tham gia vào các lĩnh vực chiến lược như: Đường sắt tốc độ cao, đường sắt đô thị, công nghiệp mũi nhọn, hạ tầng năng lượng, hạ tầng số, giao thông xanh, công nghiệp quốc phòng, an ninh, ...
- Khẩn trương xây dựng, triển khai Chương trình phát triển 1.000 doanh nghiệp tiêu biểu, tiên phong trong khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và chuyển đổi xanh, công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp hỗ trợ.
- Đẩy mạnh số hoá, minh bạch hoá, đơn giản hoá, dễ tuân thủ, dễ thực hiện đối với chế độ kế toán, thuế, bảo hiểm... để khuyến khích chuyển đổi hộ kinh doanh sang hoạt động theo mô hình doanh nghiệp.
- Xóa bỏ hình thức thuế khoán đối với hộ kinh doanh chậm nhất trong năm 2026.
- Đánh giá kết quả: Đánh giá doanh nghiệp tư nhân theo chuẩn quốc tế dựa trên các tiêu chí cốt lõi về mức độ tuân thủ pháp luật, giải quyết công ăn việc làm, đóng góp vào ngân sách nhà nước và tham gia các hoạt động an sinh xã hội.

Nghị quyết số 198 của Quốc hội về cơ chế, chính sách đặc thù thúc đẩy phát triển kinh tế tư nhân

Cải thiện môi trường kinh doanh

- Thanh tra, kiểm tra chỉ thực hiện mỗi năm 1 lần đối với doanh nghiệp, trừ trường hợp có bằng chứng rõ ràng về việc doanh nghiệp vi phạm.

- Ưu tiên thanh tra, kiểm tra từ xa dựa trên các dữ liệu điện tử, giảm thanh tra, kiểm tra trực tiếp.
- Phân định rõ trách nhiệm hình sự với hành chính, dân sự; giữa pháp nhân và cá nhân trong xử lý vi phạm.

Hỗ trợ tiếp cận đất đai và mặt bằng kinh doanh

- Thuê tài sản công (đất và nhà): Các doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo được giảm tối thiểu 30% tiền thuê lại đất cho các đối tượng này trong vòng 5 năm đầu kể từ ngày ký hợp đồng thuê đất với chủ đầu tư kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp, vườn ươm công nghệ.
- Hỗ trợ tiếp cận tài chính, tín dụng và mua sắm công.
- Doanh nghiệp thuộc khu vực kinh tế tư nhân, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh được Nhà nước hỗ trợ lãi suất 2%/năm khi vay vốn để thực hiện các dự án xanh, tuần hoàn và áp dụng khung tiêu chuẩn môi trường, xã hội, quản trị.
- Miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong thời hạn 2 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 4 năm tiếp theo đối với thu nhập từ hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, công ty quản lý quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo, tổ chức trung gian hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.
- Miễn thuế thu nhập cá nhân trong thời hạn 2 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 4 năm tiếp theo đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công của chuyên gia, nhà khoa học nhận được từ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, trung tâm nghiên cứu phát triển, trung tâm đổi mới sáng tạo, tổ chức trung gian hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.
- Miễn thuế thu nhập doanh nghiệp cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trong 03 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu.
- Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh không áp dụng phương pháp khoán thuế từ ngày 1/1/2026
- Chấm dứt việc thu, nộp lệ phí môn bài từ ngày 1/1/2026.

Hỗ trợ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và đào tạo nguồn nhân lực

- Doanh nghiệp được trích tối đa 20% thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp để lập quỹ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của doanh nghiệp.
- Doanh nghiệp được tính vào chi phí được trừ để xác định thu nhập chịu thuế đối với chi phí cho hoạt động nghiên cứu và phát triển của doanh nghiệp bằng 200% chi phí thực tế của hoạt động này khi tính thuế TNDN.
- Nhà nước sẽ bố trí ngân sách để triển khai Chương trình đào tạo, bồi dưỡng 10.000 giám đốc điều hành đến năm 2030.

Hỗ trợ hình thành các doanh nghiệp vừa & lớn, doanh nghiệp tiên phong

- Nhà nước mở rộng sự tham gia của doanh nghiệp thuộc khu vực kinh tế tư nhân vào các dự án trọng điểm có ý nghĩa lớn với phát triển kinh tế - xã hội, dự án quan trọng quốc gia thông qua hình thức đầu tư trực tiếp hoặc đầu tư theo phương thức đối tác công tư (PPP) hoặc các mô hình hợp tác giữa Nhà nước và tư nhân theo quy định của pháp luật.
- Triển khai chương trình phát triển 1.000 doanh nghiệp tiêu biểu, tiên phong trong khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và chuyển đổi xanh, công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp hỗ trợ.

Giao nhiệm vụ thực hiện cho Chính phủ

Chính phủ phải hoàn tất việc rà soát, bãi bỏ các điều kiện kinh doanh không cần thiết, các quy định chồng chéo, không phù hợp gây cản trở sự phát triển của khu vực kinh tế tư nhân muộn nhất đến ngày 31/12/2025. Cắt giảm tối thiểu 30% thời gian giải

quyết thủ tục hành chính, 30% chi phí tuân thủ pháp luật, 30% điều kiện kinh doanh và tiếp tục cắt giảm mạnh trong những năm tiếp theo.

	2018	2019	2020	2021	2022	2023E	2024E	2025F	2026F
Tỷ giá									
Tỷ giá (VND: USD) (cuối năm)	23,210	23,155	23,085	22,765	23,555	24,265	25,480	26,600	26,800
Tỷ giá (VND: CNY)	3,562	3,317	3,535	3,579	3,415	3,418	3,491	3,595	3,622
GDP và việc làm									
Tốc độ tăng trưởng GDP hàng năm (%)	7.47	7.36	2.87	2.58	8.10	5.05	7.09	6.70	5.80
GDP (tỷ USD)	304	332	346	370	408	434	476	477	516
GDP bình quân đầu người (USD)	3,202	3,398	3,558	3,757	4,101	4,324	4,702	4,669	5,003
Tài khoản vãng lai/GDP (%)	1.89	3.67	4.35	-2.20	-0.26	6.50	5.48	3.77	3.30
Nợ công/GDP (%)	46.2	42.8	43.8	44.7	38.0	38.8	37.6	37.8	38.2
Nợ Chính phủ/GDP (%)	39.5	37.4	38.5	39.6	34.7	35.8	35.2	35.7	36.2
Thâm hụt ngân sách Nhà nước (% GDP)	2.21	2.09	2.71	2.55	3.08	3.48	3.47	3.71	3.47
Tổng dư nợ tín dụng / GDP	102.9	106.3	115.0	124.4	125.3	132.7	135.7	142.7	148.0
FDI giải ngân / FDI (%)	6.3	6.1	5.8	5.3	5.5	5.3	5.3	5.6	5.4
Tỷ lệ thất nghiệp, cuối năm (%)	2.19	2.15	2.37	3.56	2.32	2.26	2.22	2.50	2.60
Giá cả									
Lạm phát bình quân 12 tháng (% so với cùng kỳ)	3.5	2.8	3.2	1.8	3.1	3.3	3.6	3.4	3.3
CPI, cuối năm (% so với cùng kỳ)	3.0	5.2	0.2	1.8	4.5	3.6	2.9	3.4	3.3
Tiền tệ và lãi suất									
Lãi suất điều hành (%)	6.25	6.00	4.00	4.00	6.00	4.50	4.50	4.00	4.00
Lãi suất qua đêm liên ngân hàng (%)	3.9	1.4	0.2	0.7	4.4	0.5	4.0	3.8	3.3
Tăng trưởng tín dụng (y/y %)	10.7	13.6	12.2	13.6	14.2	13.5	15.1	16.0	13.0
Cung tiền M2 (nghìn tỷ đồng)	9,212	10,574	12,111	13,402	14,227	15,999	17,915	20,064	22,472
Cung tiền M2 (% so với cùng kỳ)	12.4	14.8	14.5	10.7	6.2	12.5	12.0	12.0	12.0
Dự trữ ngoại hối (tỷ USD)	55	79	95	107	85	90	81	78	75
Lãi suất tiền gửi 12 tháng (%)	6.8	6.8	5.6	5.5	7.4	4.8	5.5	6.0	6.2
Trần lãi suất huy động (< 6 tháng, %)	5.0	5.0	4.0	4.0	6.0	4.75	4.75	4.75	4.75
Trái phiếu Chính phủ kỳ hạn 5 năm (%)	4.4	2.4	1.2	1.0	4.6	1.9	2.4	3.0	3.1
Trái phiếu Chính phủ kỳ hạn 10 năm (%)	4.9	3.2	2.0	2.9	4.8	2.2	2.8	3.2	3.3
Thương mại và kinh tế đối ngoại									
Cân cán thương mại (tỷ USD)	7.2	10.9	19.9	3.3	12.1	28.4	24.8	18.4	14.3
Tài khoản vãng lai (tỷ USD)	5.8	12.2	15.1	-8.1	-1.1	28.2	26.1	18.0	17.0
Kim ngạch nhập khẩu (tỷ USD)	238	253	263	333	360	326	381	407	411
Kim ngạch nhập khẩu (% so với cùng kỳ)	12.5	6.7	3.7	26.7	8.0	-9.2	16.7	7.0	1.0
Kim ngạch xuất khẩu (tỷ USD)	245	264	283	336	372	355	406	426	426
Kim ngạch xuất khẩu (% so với cùng kỳ)	14.5	8.0	6.9	18.9	10.6	-4.6	14.3	5.0	0.0
Nợ nước ngoài (tỷ USD)	110	123	129	140	148	159	174	189	204
Nợ nước ngoài/GDP (%)	36.1	36.9	37.3	37.7	36.2	36.6	36.5	39.6	39.5
Vốn FDI giải ngân (tỷ USD)	19.1	20.4	20.0	19.7	22.4	23.2	25.4	26.9	27.9
Vốn FDI cam kết (tỷ USD)	35.5	38.0	28.5	31.2	27.7	39.4	38.2	35.6	35.6
Kinh doanh & Tiêu dùng									
PMI ngành sản xuất (cuối năm)	53.8	50.8	51.7	52.5	46.4	48.9	49.8	51.0	51.0
Chỉ số sản xuất công nghiệp (% so với cùng kỳ) (cuối năm)	11.4	6.2	9.5	8.7	0.2	5.8	8.8	8.3	7.5
Chỉ số sản xuất ngành chế biến, chế tạo (% so với cùng kỳ) (cuối năm)	13.7	7.0	13.1	10.9	0.6	7.6	10.2	9.0	8.5
Chỉ số sản xuất ngành chế biến, chế tạo hàng năm (%)	12.3	10.5	4.9	6.0	8.0	3.6	9.8	8.8	7.0
Doanh số bán lẻ danh nghĩa hàng năm (%)	11.0	11.3	-0.9	-9.1	19.8	9.4	9.0	8.5	8.0

Ghi chú: Lạm phát bình quân 12 tháng là lạm phát bình quân trượt 12 tháng của lạm phát tổng thể so với cùng kỳ, sử dụng phép tính trung bình nhân.

$$\text{Lạm phát trung bình 12 tháng tại thời điểm } t_0 = [(1 + \text{lạm phát } y/y \text{ tại thời điểm } t-11) \times \dots \times (1 + \text{lạm phát } y/y \text{ tại thời điểm } t_0)]^{(1/12)-1}$$

 Nguồn: Bloomberg, GSO, IMF, MoF, WB, HSC

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2021.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

HSC có thể sử dụng các nghiên cứu trong báo cáo này cho hoạt động mua bán chứng khoán tự doanh hoặc mua bán chứng khoán cho các quỹ mà HSC đang quản lý. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo những gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên gia phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch chứng khoán trái ngược với ý kiến tư vấn và quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Nhân viên của HSC có thể có lợi ích tài chính ở những chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ có liên quan. HSC có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập đến trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
 Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
 Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
 Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
 Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
 Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 5 & 6, Tòa nhà AB
 76 Lê Lai, Quận 1, TPHCM
 T: (+84 28) 3823 3299
 F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
 16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
 T: (+84 24) 3933 4693
 F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn